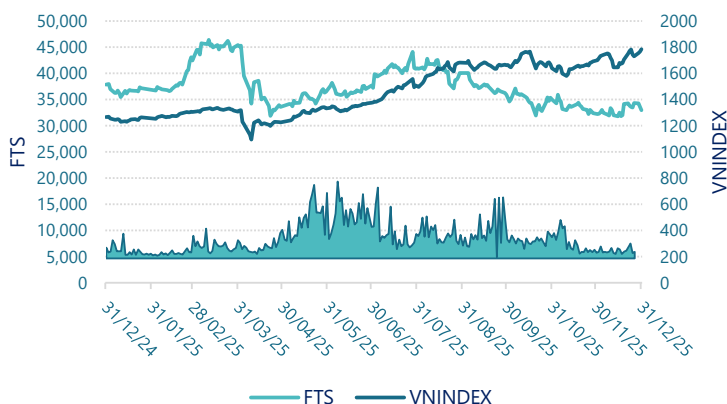


CTCP Chứng khoán FPT (HSX: FTS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,402
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,800
SL cổ phiếu LH	346,498,009
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,340,710
% sở hữu nước ngoài	24.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,417
P/E	28.8
EPS	1,145

DT thuần

Q4/25

47.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.20 | 4.8%

YoY: ▲ 47.4 | 157735%

LN sau thuế

Q4/25

0.00

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1293%

+/- YoY: ▼ 44291%

DT thuần

2025

93.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 90.7 | 3603%

LN sau thuế

2025

0.00

tỷ VNĐ

ROE

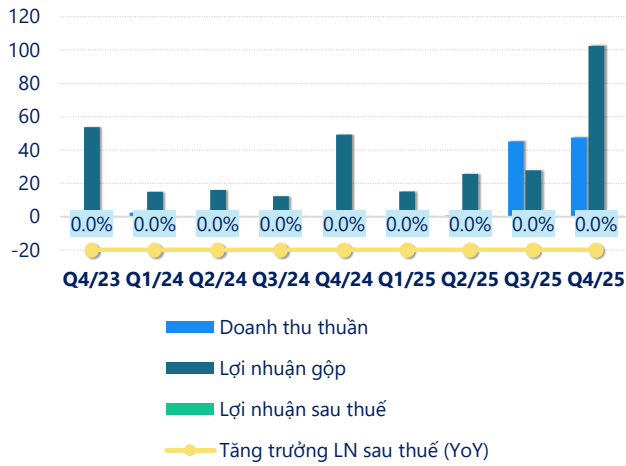
2025

#VALUE!

#VALUE!

tỷ VNĐ

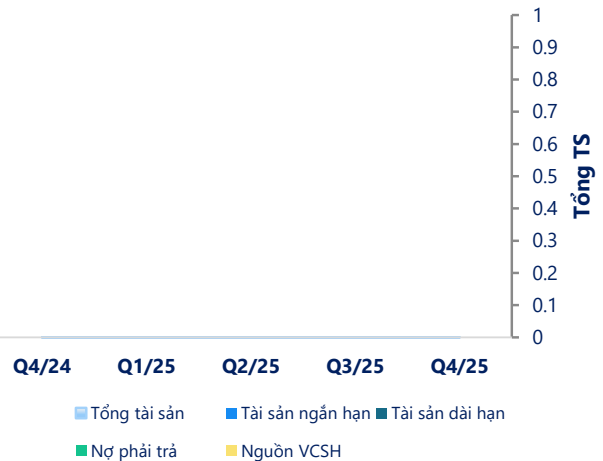
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

Q4/25

Q3/25

Q2/25

Q1/25

Q4/24



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

Q4/25

Q3/25

Q2/25

Q1/25

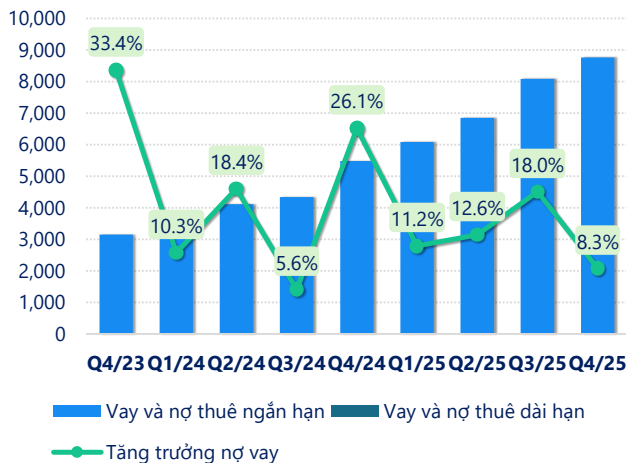
Q4/24



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

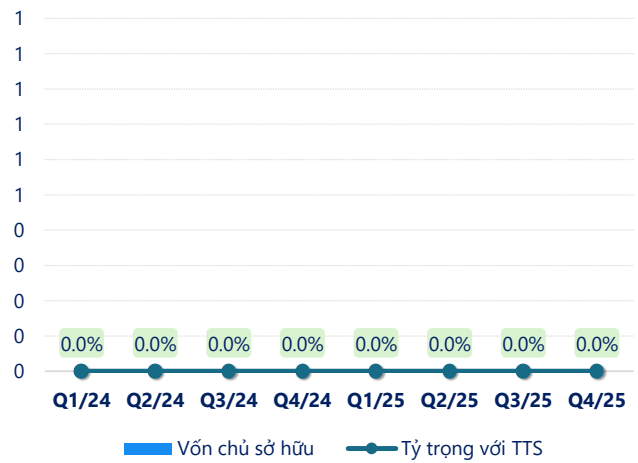
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

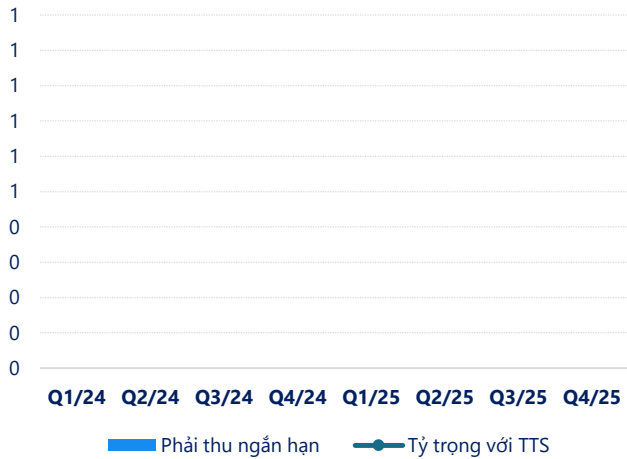
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

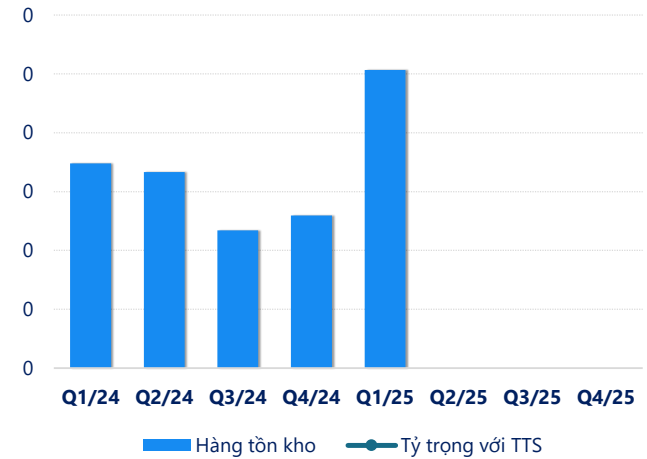
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

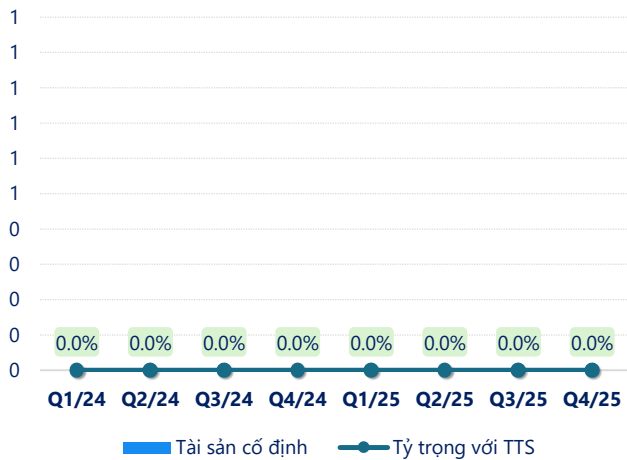
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

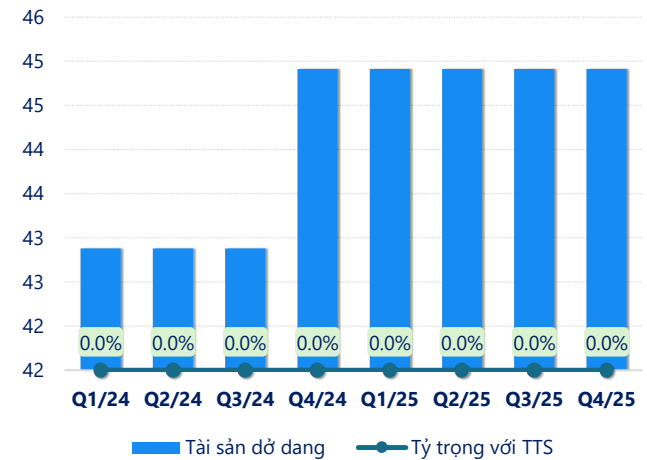
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

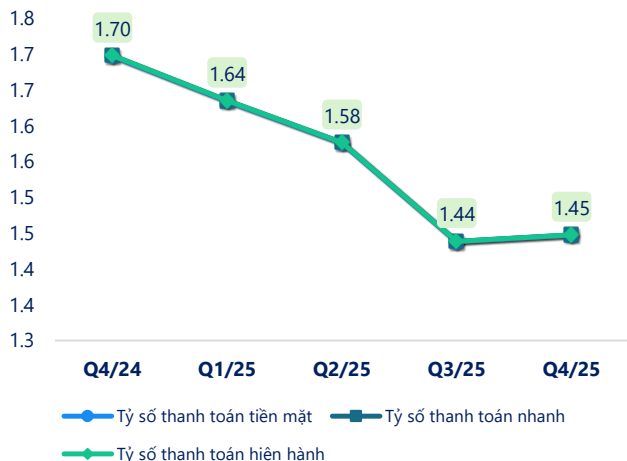
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



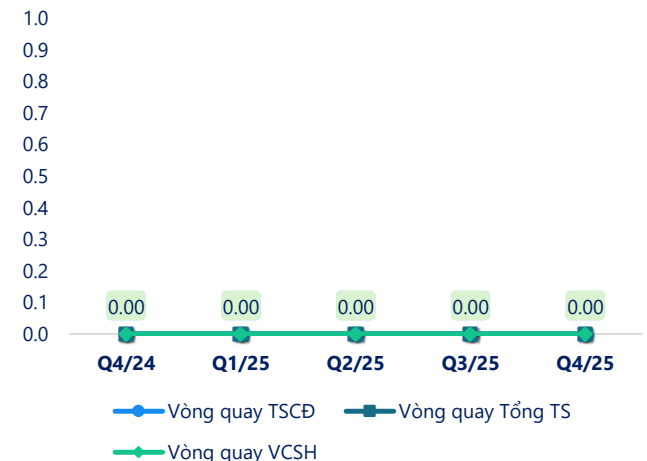
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn	9,580	10,524	11,103	13,513	13,751
Tiền và tương đương tiền	9,575	10,518	11,099	13,510	13,746
Đầu tư tài chính ngắn hạn	410	622	839	524	1,350
Phải thu ngắn hạn	0	0	0	0	0
Hàng tồn kho	0.00	0.00	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	3.14	3.93	2.97	1.64	2.40
Phải thu dài hạn	0.08	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	44.9	44.9	44.9	44.9	44.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.22	1.39	1.38	0.92	0.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,642	6,436	7,043	9,394	9,500
Nợ ngắn hạn	5,642	6,436	7,043	9,394	9,500
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,476	6,088	6,852	8,087	8,758
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)